

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 395/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Huỳnh Thị Phương**

**2. Bà Trương Thị Út Mỹ**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Cà Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Dũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

**2. Bị đơn:** Anh Bùi Trung H, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T và anh H tổ chức cưới năm 2006 đến 2009 đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, do anh H không quan tâm gia đình, thường xuyên đá gà, cờ bạc gây ra nợ về kêu chị T phải trả, chị T không có tiền đưa ra trả nợ thì mẹ chồng la mắng, vợ chồng thường cãi nhau, trong năm 2019 chị T về sống bên cha mẹ của chị đến nay không còn tình cảm vợ chồng, nên chị T yêu cầu ly hôn. Vợ chồng

có 02 con chung Bùi Nguyễn Hồng V sinh ngày xx/x/xxxx, Bùi Nguyễn Trà M sinh ngày xx/x/ xxxx đang sống với chị T. Ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, vì anh H không có thu nhập. Chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

\* Quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Trung H vắng mặt không có lời trình bày.

\* Ý kiến của Viện kiểm sát: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị T được ly hôn anh Bùi Trung H. Giao con chung Bùi Nguyễn Hồng V sinh ngày xx/x/xxxx, Bùi Nguyễn Trà M sinh ngày xx/x/ xxxx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định. Việc thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Bùi Trung H được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[1] Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Trung H tự nguyện kết hôn, được UBND xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 22/6/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn gia đình như chị T trình bày chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án triệu tập anh H nhiều lần đến Tòa để hòa giải hàn gắn tình cảm, nhưng anh H không đến, cũng không gửi cho Tòa án ý kiến về việc chị T yêu cầu ly hôn, cho thấy anh H không muốn duy trì hôn nhân. Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2] Về nuôi con chung: Hiện tại 02 con chung sống với chị T, anh H không có ý kiến về việc nuôi con chung, nguyện vọng của con chung muốn tiếp tục sống với chị T. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo quy định Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu

nuôi con chung của chị T, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ghi nhận chị T và anh H không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

[4] Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Trung H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Bùi Nguyễn Hồng V, sinh ngày xx/x/xxxx và Bùi Nguyễn Trà M, sinh ngày xx/ x/ xxxx cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0007685 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- UBND xã Tân Tây, huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Dũng**

